TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÒN ĐẤT** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2023/DS-ST
Ngày: 27 - 4 - 2023
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản, thực hiện nghĩa vụ về tài sản do người chết để lại

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HĐ, TỈNH KG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Cẩm Tú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Tài.

2. Ông Trần Văn Phước.

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Nguyễn Thị Thành Minh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hòn Đất.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HĐ, tỉnh KG:*** Ông Bùi Đức Mậu – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hòn Đất xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 58/2022/TLST–DS, ngày 22 tháng 02 năm 2022 về tranh chấp "Hợp đồng dân sự vay tài sản, thực hiện nghĩa vụ về tài sản do người chết để lại " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2023/QĐXXST-DS, ngày 20 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị V, sinh năm 1962; địa chỉ đăng ký HKTT: Tổ 16, khu phố CX, thị trấn L, huyện L, tỉnh KG; Chỗ ở hiện nay: Số 491 tổ 10, ấp KT, xã BG, huyện HĐ, tỉnh KG. (có mặt)

2. Bị đơn: Ông Đoàn Văn Đ, sinh năm 1970; địa chỉ: ấp Kinh 9, xã BG, huyện HĐ, tỉnh KG. (vắng mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Đoàn Thị Thúy V1 sinh năm 1997 và anh Đoàn Văn H sinh năm 1994; cùng địa chỉ: ấp Kinh 9, xã BG, huyện HĐ, tỉnh KG. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 26/12/2021 nguyên đơn là bà Lê Thị V trình bày:

Giữa bà và vợ chồng ông Đoàn Văn Đ, bà Trịnh Thị V3 là chỗ quen biết, ở cùng xóm nên tin tưởng giúp đỡ nhau. Trong khoảng thời gian từ năm 2016 đến năm 2018 ông Đ có đến vay nợ của bà nhiều lần, cũng có lần trả đủ, có lần trả không đủ. Cụ thể từng lần vay như sau:

Ngày 13/02/2016, ông Đ và bà V3 trực tiếp đến nhà bà V vay 210.000.000 đồng, hai bên có lập giấy tay, ông Đ ký tên. Ông Đ nói vay số tiền này về đáo hạn ngân hàng nên cho vay đỡ vài ngày, không có thỏa thuận lãi. Khoản vay này chưa trả.

Ngày 26/9/2016 âm lịch, bà V3 vay 50.000.000 đồng, hai bên có lập giấy tay, bà V3 ký vào biên nhận. Bà V3 nói vay về làm ruộng. Việc vay tiền không có thỏa thuận lãi nhưng trên thực tế tính lãi 4%/tháng. Khoản vay này chưa trả.

Ngày 27/8/2019, vợ chồng ông Đ bà V3 trực tiếp vay 20.000.000 đồng, có lập giấy viết tay, vợ chồng ông Đ ký tên là "Đ V3". Ông Đ, bà V3 nói vay trả tiền phân, không thỏa thuận thời hạn trả, không thỏa thuận lãi suất vay. Khoản vay này bà V3 đã trả xong.

Cuối năm 2019, bà V3 vay số tiền 150.000.000 đồng, có làm giấy viết tay bà V3 ký tên. Khoản vay này bà V3 đã trả được 60.000.000 đồng, còn thiếu lại 90.000.000 đồng đến nay chưa trả.

Đến ngày 11/3/2020 giữa bà và bà V3 (vợ ông Đ) có tính số nợ lại với nhau thì vợ chồng ông Đ còn thiếu bà V tổng cộng số tiền là 350.000.00 đồng, bà V3 có ký nhận nợ. Đồng thời, tại giấy nhận nợ hai bên có tính ra tiền lãi là 333.000.000 đồng, bà V3 đã trả 20.000.000 đồng, còn thiếu lại 313.000.000 đồng tiền lãi. Tuy nhiên sau đó không lâu thì bà V3 chết nên số tiền nợ của bà V vẫn còn nguyên.

Sau khi bà V3 chết được hơn 49 ngày bà có vô nhà gặp ông Đ đòi nợ. Lần đầu ông Đ nói không biết, lần sau thì ông Đ nói để từ từ tính. Do không thấy ông Đ trả nên bà mới khởi kiện tại Tòa án.

Tại đơn khởi kiện ngày 26/12/2021, bà V yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất giải quyết buộc ông Đoàn Văn Đ pH trả cho bà số tiền gốc là 350.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 16/8/2022, bà V yêu cầu ông Đ và những người thừa kế của bà Trịnh Thị V3 phải liên đới trả cho bà số tiền vay vốn gốc là 350.000.000 đồng và trả tiền lãi theo quy định của pháp luật tính từ ngày vay cho đến khi xét xử sơ thẩm vụ án.

Tại phiên tòa, bà V rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu ông Đ phải trả cho bà số tiền vay vốn gốc là 210.000.000 đồng và trả tiền lãi theo quy định của pháp luật tính từ ngày 13/02/2016 cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Đoàn Văn Đ trình bày: Việc làm ăn, vay mượn tiền giữa bà V và vợ ông là bà Trịnh Thị V3 ông không biết, vì ông chỉ lo công việc ngoài đồng ruộng, chuyện làm ăn trong nhà giao hết cho vợ. Trong các khoản nợ bà V kê, ông thừa nhận có vay khoản 210.000.000 đồng vào năm 2016. Tuy nhiên, nếu như vợ ông không trả tiền cho bà V thì bà V đã không để vợ chồng ông yên ổn đến ngày nay mà đã khởi kiện từ lâu. Ông cho rằng vợ ông đã trả xong cho bà V nhưng ông không có giấy tờ gì chứng minh. Riêng các khoản vay khác ông không thừa nhận. Các khoản nợ vay từ năm 2016 đến nay vì sao bà V cung cấp giấy tờ về việc vợ ông trả tiền mà chỉ thấy giấy vay tiền. Vì vậy, ông không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà V, không thừa nhận còn nợ bà V số tiền là 350.000.000 đồng. Hiện nay, gia đình ông cũng không còn khả năng trả nợ.

Tại biên bản hòa giải ngày 14/3/2022, ông Đ yêu cầu Tòa án tiến hành giám định chữ ký của bà V3 trong biên nhận ngày 26/9/2016 ÂL, biên nhận tổng ngày 11/3/2020 và biên nhận ngày 11/3/2021. Ông Đ cam kết cung cấp mẫu chữ ký của bà V3 cho Tòa án làm mẫu so sánh giám định trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ngày 14/3/2022 nhưng đến nay ông không cung cấp chứng cứ cho Tòa án.

Tại Bản tự khai ngày 21/3/2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Đoàn Thị Thúy V1 trình bày: Chị đã lập gia đình cách đây hơn 10 năm, việc vay mượn tiền giữa mẹ chị và bà V thế nào chị không biết. Bà V có đưa tiền cho mẹ chị vay hay không và mẹ chị đã trả cho bà V bao nhiêu tiền chị cũng không biết. Hoàn cảnh gia đình chị hiện nay rất khó khăn, không có đất canh tác, ba của chị phải đi làm thuê, anh trai của chị cũng đi làm thuê lâu lắm mới về một lần. Nay, bà V yêu cầu chị liên đới cùng ba chị và anh trai trả nợ chị không đồng ý vì chị không lấy tiền hoặc sử dụng tiền vay của bà V. Chị đã có gia đình và cất nhà ở riêng cách đây 05 năm.

Tại phiên tòa kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật về tố tụng, về nội dung của Tòa án như sau:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định về thụ lý vụ án, thẩm quyền giải quyết, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách đương sự, bảo đảm quyền và nghĩa vụ của các bên đương sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, Thẩm phán còn vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án nhưng do vụ án khó, phức tạp nên cần rút kinh nghiệm trong các vụ án khác.

Về nội dung:

Tại phiên tòa, bà V rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền vốn gốc là 140.000.000 đồng nên đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà V theo quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS).

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Đ thừa nhận vào năm 2016, vợ chồng ông có vay của bà V số tiền là 210.000.000 đồng. Ông cho rằng vợ ông là bà Trịnh Thị V3 đã trả xong số tiền này nhưng ông không đưa ra được tài liệu, chứng cứ để chứng minh. Do đó, bà V yêu cầu ông Đ trả số tiền vay vốn gốc 210.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật tính từ ngày vay cho đến ngày xét xử sơ thẩm là phù hợp với quy định Điều 466, Điều 468, Điều 615 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên đề nghị HĐXX chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà Lê Thị V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Đoàn Văn Đ và những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bà Trịnh Thị V3 trả số tiền vay nên quan hệ tranh chấp của vụ án là tranh chấp "Hợp đồng dân sự vay tài sản, thực hiện nghĩa vụ về tài sản do người chết để lại" theo quy định tại khoản 3, khoản 14 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS).

Bị đơn là ông Đ có địa chỉ nơi cư trú tại xã BG, huyện HĐ, tỉnh KG nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, đểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện HĐ, tỉnh KG.

Ông Đ và các anh, chị Đoàn Thị Thúy V1, Đoàn Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai vắng mặt. Xét thấy, sự vắng mặt của các đương sự không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của các đương sự và không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227 của BLTTDS.

Tại phiên tòa, bà V rút một phần yêu cầu khởi kiện buộc những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bà V thanh toán nợ, rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền vốn gốc 210.000.000 đồng và lãi suất nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà V theo quy định tại khoản 2 Điều 244 của BLTTDS.

[2] Về nội dung:

Bà V xác định vào ngày 13/02/2016 ông Đ và bà V3 trực tiếp đến nhà bà

vay số tiền vốn gốc là 210.000.000 đồng, hai bên có lập giấy tay, ông Đ có ký tên. Ông Đ, bà V3 nói vay tiền để đáo hạn ngân hàng, vay đỡ vào ngày nên hai bên không thỏa thuận lãi suất, đến nay vợ chồng ông Đ chưa trả khoản vay này.

Ông Đ xác định có vay của bà V số tiền gốc là 210.000.000 đồng vào năm 2016 nhưng ông cho rằng vợ ông là bà V3 đã trả nợ cho bà V xong. Bởi lẽ, nếu bà V3 không trả thì khi bà V3 còn sống bà V đã khởi kiện chứ không để đến bây giờ mới kiện. Do đó, ông không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của bà V.

[2.1] Xét yêu cầu thanh toán nợ gốc của bà V:

Xét thấy, ông Đ cho rằng bà V3 đã thanh toán nợ cho bà V xong nhưng ông không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét. Tại Biên bản hòa giải ngày 14/3/2022, ông Đ xác định việc làm ăn trong nhà ông giao cho vợ ông là bà V3 toàn quyền quyết định nên có căn cứ để xác định mục đích vay tiền để xoay sở trong gia đình. Theo quy định tại khoản 2 Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình thì nghĩa vụ do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình là nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng. Tuy nhiên, do bà V3 đã chết nên ông Đ có nghĩa vụ thực hiện cả phần nghĩa vụ của bà V3 theo quy định tại Điều 615 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ông Đ và bà V3 có hai người con chung là Đoàn Thị Thúy V1 và Đoàn Văn H. Tại phiên tòa, bà V khẳng định chỉ yêu cầu ông Đ thanh toán nợ, không yêu cầu những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bà V3 thanh toán nợ nên HĐXX không xem xét.

Đối chiếu với các quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 (BLDS) thì việc bà V yêu cầu ông Đ pH thanh toán số tiền vốn gốc 210.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được Tòa án chấp nhận toàn bộ.

[2.2] Xét yêu cầu thanh toán nợ lãi của bà V:

Ông Đ xác định có khoản vay số tiền vốn gốc là 210.000.000 đồng vào năm 2016, quá trình giải quyết vụ án ông cũng không có ý kiến phản bác đối với giấy ghi nợ ngày 13/02/2016. Giấy ghi nợ ngày 13/02/2016 không ghi lãi suất thỏa thuận, quá trình giải quyết vụ án bà V cũng xác định khoản vay nay hai bên không thỏa thuận lãi suất.

Quá trình giải quyết vụ án bà V yêu cầu ông Đ thanh toán tiền lãi của số tiền vốn gốc 210.000.000 đồng tính từ ngày 13/02/2016 cho đến ngày xét xử với mức lãi suất 10%/năm. Tại phiên tòa, bà chỉ yêu cầu ông Đ thanh toán số tiền lãi 140.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 468 của BLDS nên được HĐXX chấp nhận.

Tổng gốc và lãi ông Đ phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà V là 350.000.000 đồng.

[3] Về án phí:

Áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Các đương sự pH chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 và khoản 14 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 244, điểm a khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 269 và Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 466, Điều 468, Điều 615 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

khoản 2 Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Lê Thị V đối với bị đơn là ông Đoàn Văn Đ về việc yêu cầu ông Đ thanh toán số tiền vay vốn gốc là 210.000.000 đồng và tiễn lãi tính từ ngày vay đến ngay xét xử sơ thẩm, đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà V về việc buộc những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của Trịnh Thị V3 là các anh chị Đoàn Văn H, Đoàn Thị Thúy V1 pH liên đới cùng ông Đ thanh toán nợ.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị V đối với ông Đoàn Văn Đ. Buộc ông Đ phải thanh toán cho bà V số tiền cả vốn lẫn lãi là 350.000.000 đồng (Ba trăm năm chục triệu đồng), trong đó: Vốn gốc là 210.000.000 đồng (Hai trăm mười triệu đồng) và tiền lãi là 140.000.000 đồng (Một trăm bốn chục triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phía chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí:

Yêu cầu của bà V được Tòa án chấp nhận nên bà V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà V được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.750.000 đồng (Tám triệu bảy trăm năm chục nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0001619 ngày 15/02/2022 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện HĐ, tỉnh KG.

Ông Đ phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch là 350.000.000 đồng x 5% = 17.500.000 đồng (Mười bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Cơ quan Thi hành án huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã;
- Lưu.

Lê Cẩm Tú